

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/DS-ST

Ngày: 03-8-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trung Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thành Thái;

Ông Đỗ Việt Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 9, xã HH, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 3 (xóm N), xã HT, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Văn D, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 9, xã HH, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

Anh Phạm Văn D ủy quyền cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 9, xã HH, huyện H, tỉnh Nam Định tham gia tố tụng. (Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2021). Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh*

*Phạm Văn D do chị Nguyễn Thị T đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Do vợ chồng chị có quan hệ quen biết là hàng xóm láng giềng với chị Vũ Thị T nên chị có cho chị T vay tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 08/9/2018 cho vay số tiền 70.000.000 đồng; ngày 16/02/2019 cho vay số tiền 60.000.000 đồng và ngày 25/02/2020 cho vay số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng ba lần vay là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Tất cả ba lần vay chị T đều tự tay viết giấy biên nhận và ký tên đưa bản gốc cho chị giữ; lý do vay chị T nói để làm nhà hai tầng tại xóm 3, xã HT. Chị giao tiền cho chị T nhận tại nhà chị, có chồng chị anh Phạm Văn D chứng kiến. Khi vay hai bên có thỏa thuận miệng tính lãi là 1,1%/tháng; không thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng có nói khi nào cần thì báo trước vài ngày. Chị T có trả lãi đến khoảng tháng 8/2020 thì dừng nhưng do không ghi chép lại nên chị không nhớ đã nhận bao nhiêu lãi. Chị T bỏ đi khỏi địa phương cắt điện thoại không liên lạc với chị, đến khoảng tháng 12/2020 chị T về nhà chị đã gặp đòi nợ nhưng chị T khát nợ sau đó lại bỏ đi không liên lạc với chị nữa, cũng không trả nợ cho chị.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Vũ Thị T trả cho vợ chồng chị số tiền gốc còn nợ là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

*Bị đơn là chị Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng mà không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng; bị đơn không hợp tác làm việc với Tòa án, chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị T; buộc chị Vũ Thị T trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn D số tiền gốc là 180.000.000 đồng. Chị Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với chị Vũ Thị T. Bị đơn chị Vũ Thị T có địa chỉ cư trú tại xóm 3 (xóm N), xã HT, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

[3.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu chị Vũ Thị T trả nợ cho vợ chồng chị tiền gốc vay là 180.000.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là bản gốc các giấy biên nhận viết tay ghi các ngày 08/9/2018, 16/02/2019 và 25/02/2020; các giấy biên nhận đều có chữ ký ghi tên người vay là Vũ Thị T. Bị đơn chị Vũ Thị T mặc dù đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bằng các hình thức tổng đạt niêm yết công khai văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú, thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[3.2] Theo các giấy biên nhận vay tiền do chị Nguyễn Thị T cung cấp là các bản gốc viết tay thể hiện người vay tiền là chị Vũ Thị T có địa chỉ tại xóm 3, xã HT đã vay tiền của chị Nguyễn Thị T ba lần trong các ngày 08/9/2018, 16/02/2019 và 25/02/2020 với tổng số tiền gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) nhưng không ghi thời hạn trả nợ. Như vậy có cơ sở xác định giữa chị Nguyễn Thị T và chị Vũ Thị T đã có giao dịch hợp đồng vay tài sản không xác định thời hạn theo quy định tại Điều 463, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Chị T khai đã đòi nợ nhiều lần nhưng chị T không trả nợ, chị T bỏ đi khỏi nơi cư trú và không liên lạc với chị T để giải quyết nợ. Theo lời khai của chị T nguồn gốc tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng chị. Đến nay không có tài liệu, chứng cứ chứng minh chị T đã trả nợ tiền vay cho chị T. Do đó căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc chị Vũ Thị T trả nợ cho vợ chồng chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn D số tiền gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) theo yêu cầu của chị Vũ Thị Trang là phù hợp pháp luật.

[3.3] Về lãi: Chị Nguyễn Thị T khai khi cho vay hai bên có thỏa thuận miệng lãi là 1,1%/tháng, chị T trả lãi đến khoảng tháng 8/2020 thì dừng, chị T không nhớ đã nhận bao nhiêu tiền lãi. Đến nay chị T không yêu cầu chị T trả lãi tiền vay do đó không xem xét về lãi.

[4] Về án phí: Bị đơn chị Vũ Thị T có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Vũ Thị T.

Buộc chị Vũ Thị T phải trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn D số tiền gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Vũ Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Trả lại chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0002577 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phạm Trung Kiên**